TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 131**/2026/DSST-ST
Ngày: 30 - 6 - 2025
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Dũng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Vinh Tám
Bà Nguyễn Thị Hồng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 272/2026/TLST-DS ngày 30 tháng 03 năm 2026 về việc*: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1077/2025/QĐXXST-DS ngày 01/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1077/2026/QĐST-DS ngày 15/6/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P (O). Trụ sở: Toà nhà T, số A T, phường T, thành phố T, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện uỷ quyền: Ông Hồ Thanh N – Phó Giám đốc phòng G (Văn bản uỷ quyền số 03/2025/UQ-CT-HĐQT ngày 04/04/2025). Ông Hồ Thanh N uỷ quyền lại cho bà Dương Thị Thảo N1, sinh năm 1985. Địa chỉ: B N, phường H, thành phố Đà Nẵng (Giấy uỷ quyền số 1311/2025/UQ-OCB ngày 30/11/2025). *(Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- *Bị đơn:* Bà Đào Thị Xuân V, sinh năm: 1984; Địa chỉ: 1 P, phường A, thành phố Đà Nẵng. *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP P (O) trình bày:

Căn cứ các quy định của O và nhu cầu, khả năng trả nợ của bà Đào Thị Xuân V, OCB đã chấp thuận phát hành cho bà Đào Thị Xuân V một thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng kí dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 17/11/2022 (Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ số: 0562/2022/OCB-HC ngày 17/11/2022) cụ thể: Loại thẻ: Thẻ Local Credit N2, Thẻ tín dụng Quốc tế hạng Vàng (MasterCard Gold-Lifestyle); Hạn mức thẻ tín dụng: 40.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng cá nhân; Tiền Lãi được tính trên cơ sở 1 năm là 365 ngày. Số tiền lãi phải trả =(số dư nợ thực tế tính lãi) x (Số ngày thực tế của kỳ tính lãi) x (Lãi suất (%/năm)) : 365; Lãi suất cho vay trong hạn: 33%/Năm; Thay đổi lãi suất: OCB được quyền điều chỉnh, thay đổi kỳ điều chỉnh lãi suất,lãi suất cơ sở hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ chịu sự

điều chỉnh theo chính sách lãi suất của O tai từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn : Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Từ thời điểm nhận thẻ cho đến nay, bà Đào Thị Xuân V đã liên tiếp vi phạm các kỳ trả nợ cho O. Ngày 05/05/2025, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Đào Thị Xuân V và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (dư nợ gốc) sang nợ quá hạn. Mặc dù, OCB đã có nhiều văn bản nhắc nợ và có rất nhiều buổi làm việc, cũng như đã tạo điều kiện cho bà Đào Thị Xuân V trả nợ đúng kỳ hạn cho Ngân hàng nhưng mọi thiện chí của O đều không được bà V đáp trả. Tạm tính đến ngày 30/06/2026, dư nợ của bà Đào Thị Xuân V tại Ngân hàng TMCP P là: 76.772.251 đồng (Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi mốt đồng), trong đó: Nợ gốc là 39.773.315 đồng; nợ lãi là 36.998.936 đồng (bao gồm: Lãi trong hạn là 12.238.097 đồng và lãi quá hạn là 24.760.839 đồng), phí thường niên là 0 đồng.

Do đó, tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP P yêu cầu Tòa án buộc bà Đào Thị Xuân V phải thanh toán tổng số tiền nợ vay gốc và lãi tính đến ngày 30/6/2026 là: 77.572.251 đồng (Bảy mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi mốt đồng), trong đó: Nợ gốc là 39.773.315 đồng; nợ lãi là 36.998.936 đồng (bao gồm: Lãi trong hạn là 12.238.097 đồng và lãi quá hạn là 24.760.839 đồng), phí thường niên là 0 đồng và tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận tại "Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng kí dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 17/11/2022" kể từ ngày 01/7/2026 cho đến khi bà V thanh toán hết các nghĩa vụ cho OCB.

Đối với bà Đào Thị Xuân V, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà V đều vắng mặt tại các phiên hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên Tòa. Vì vậy, bà Đào Thị Xuân V không có nội dung trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu bà Đào Thị Xuân V thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn bà Đào Thị Xuân V có địa chỉ cư trú tại 1 P, phường A, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Ngân hàng TMCP P ký kết với bà Đào Thị Xuân V một Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh

toán, thẻ ghi nợ và đăng kí dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 17/11/2022) với mục đích cho bà V tiêu dùng cá nhân. Nay, Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu bà Đào Thị Xuân V trả nợ vay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Thông tư 14/2017/ TT- NHNN ngày 29/9/2017, Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, Thông tư số 19/2016/TT – NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N3; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, Điều 103, Điều Điều 210 Luật Tổ chức Tín dụng năm 2024; các Điều 357, 463, 465 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án cho đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP P là bà Dương Thị Thảo N1 và bị đơn bà Đào Thị Xuân V. Tại phiên tòa, bà Thảo N1 vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bà V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Theo quy định tại Điều 222, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bà Dương Thị Thảo N1 và bà Đào Thị Xuân V.

[4] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P thì thấy:

[4.1] *Về việc xác lập hợp đồng:*

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng kí dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 17/11/2022 mà bà Đào Thị Xuân V ký với OCB là dạng Hợp đồng tín dụng, thể hiện ý chí tự nguyện thoả thuận giao kết giữa Ngân hàng TMCP P với bà Đào Thị Xuân V, tuân thủ quy định về hình thức của hợp đồng, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

[4.2] Về yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và lãi của Hợp đồng:

[4.2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc:

Mặc dù bà Đào Thị Xuân V vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP P cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ theo nội dung Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ số: 0562/2022/OCB-HC ngày 17/11/2022, bà Đào Thị Xuân V ký hợp đồng mở thẻ của O với hạn mức 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn) là có thật.

Căn cứ theo Bản tính lãi phí thẻ tín dụng ngày 30/6/2026 của O cung cấp thì sau khi được cấp tín dụng, bà V đã thanh toán cho O tổng số tiền là 102.444.723 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 80.331.685 đồng và số tiền nợ lãi là 16.713.038 đồng và phí dịch vụ 5.400.000 đồng. Trong quá trình bà V thực hiện nghĩa vụ trả nợ có sự không đều đặn và từ ngày 06/12/2024 bà V không thanh toán thêm bất cứ số

tiền nợ nào khác cho O. Kể từ ngày 05/4/2025; OCB chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bà V và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ gốc) sang nợ quá hạn. Tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, dư nợ gốc bà V còn phải thanh toán cho O là 39.773.315 đồng (Ba mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm mười lăm đồng)

Hội đồng xét xử căn cứ vào Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng OCB dành cho Khách hàng cá nhân, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ OCB thì:

Mục 11.5 Điều 11 của Bản điều khoản: *"Số dư nợ sẽ được thanh toán theo thứ tự thời gian các Giao dịch Thẻ, phí, lãi được ghi nợ vào Tài khoản Thẻ và theo thứ tự ưu tiên theo quy định của OCB trong từng thời kỳ"*

Tại Điểm f Điều 18.2 của Bản điều khoản: *"Nghĩa vụ của chủ thẻ...thanh toán số dư nợ đúng hạn cho O và thanh toán toàn bộ dư nợ khi huỷ Thẻ"*

Tại điểm s Điều 19.1 của Bản điều khoản: *"Quyền của O...tiến hành các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ kể cả việc gọi điện thoại/gửi văn bản cho bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào để thông báo việc việc vi phạm của Chủ Thẻ và yêu cầu hỗ trợ điều tra, xác minh và/hoặc khởi kiện."*

Bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ số: 0562/2022/OCB-HC ngày 17/11/2022 từ ngày 06/12/2024. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của OCB về việc buộc bà V trả số tiền nợ gốc 39.773.315 đồng (Ba mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm mười lăm đồng) là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều 280, 351 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2.2] Về yêu cầu trả lãi trong hạn và lãi quá hạn:

Căn cứ theo nội dung Quyết định số 777/2022/QĐ-TGĐ ngày 11/11/2022 của O quy định về biểu phí, lãi suất và hạn mức giao dịch thẻ tín dụng do OCB phát hành thì lãi suất trong hạn của Loại Thẻ Local Credit Natural, Thẻ tín dụng Quốc tế hạng Vàng (MasterCard G) tại thời điểm bà V và O ký hợp đồng là 33%/năm.

Căn cứ theo nội dung Quyết định số 802/2020/QĐ-TGĐ ngày 11/12/2020 của O quy định về biểu phí, lãi suất và hạn mức giao dịch thẻ tín dụng do OCB phát hành thì lãi suất quá hạn bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất trong hạn.

Do bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ từ ngày 06/12/2024, OCB chuyển nợ quá hạn đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ số: 0562/2022/OCB-HC ngày 17/11/2022. Tại thời điểm chuyển nợ quá hạn xác định nợ lãi qua hạn là 33%/năm x 150% = 49,5%/năm.

Sau khi được cấp tín dụng, bà V đã thanh toán cho OCB tổng số tiền nợ lãi là 16.713.038 đồng và phí dịch vụ 5.400.000 đồng.

Tại phiên tòa, căn cứ theo Bản tính lãi phí thẻ tín dụng ngày 30/6/2026 của O, Hội đồng xét xác định: Lãi trong hạn bà V còn phải thanh toán cho O là: 12.238.097 đồng (mười hai triệu hai trăm ba mươi tám nghìn không trăm chín mươi bảy đồng); lãi quá hạn bà V còn phải thanh toán là: 24.760.839 đồng (hai mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn, tám trăm ba mươi chín đồng).

Do bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ quy định tại Mục 11.5 Điều 11, Điểm f Điều 18.2, điểm s Điều 19.1 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng OCB dành cho Khách hàng cá nhân, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ OCB đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ số: 0562/2022/OCB-HC ngày 17/11/2022 nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của O buộc bà Đào Thị Xuân V thanh toán số tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 30/6/2026 là 12.238.097 đồng + 24.760.839 đồng = 36.998.936 đồng (ba mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, chín trăm ba mươi sáu đồng).

[4.2.3] Tổng số tiền gốc và lãi bà Đào Thị Xuân V có nghĩa vụ phải trả cho Công ty T1 tính đến ngày 30/6/2026 là: 39.773.315 đồng + 36.998.936 đồng = 76.772.251 đồng (Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi mốt đồng).

[4.2.4] Kể từ ngày 01/7/2026, bà Đào Thị Xuân V còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi bà V thanh toán hết khoản nợ gốc cho OCB. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bà Đào Thị Xuân V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 76.772.251 đồng x 5% = 3.838.612,55 đồng (ba triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm mười hai phẩy năm mươi lăm đồng).

Hoàn trả cho OCB tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 117, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 15 Điều 4, Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, Điều 103, Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

- Thông tư 14/2017/TT- NHNN ngày 29/9/2017; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Thông tư số 19/2016/TT – NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N3;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P đối với bà Đào Thị Xuân V về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Đào Thị Xuân V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/6/2026 là 76.772.251 đồng (Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi mốt đồng), trong đó: nợ gốc là 39.773.315 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.238.097 đồng, nợ lãi quá hạn là 24.760.839 đồng đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ số 0562/2022/OCB-HC ngày 17/11/2022.

Kể từ ngày 01/7/2026, bà Đào Thị Xuân V còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi bà V thanh toán hết khoản nợ gốc cho OCB. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: số tiền là 3.838.612,55 đồng (ba triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm mười hai phẩy năm mươi lăm đồng) bà Đào Thị Xuân V phải chịu.

Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 1.614.664 đồng (một triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002824 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 3
2ZJ300626.TL.QDBA
1798

Trần Hoàng Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**